

Số: 21 /2024/QĐ-UBND

Ninh Bình, ngày 05 tháng 3 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định chính sách ưu đãi về sử dụng đất đối với các hoạt động xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể dục thể thao, môi trường, giám định tư pháp trên địa bàn tỉnh Ninh Bình

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Giám định tư pháp ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giám định tư pháp ngày 10 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 15 tháng 7 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30 tháng 5 năm 2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường;

Căn cứ Nghị định số 59/2014/NĐ-CP ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30 tháng 5 năm 2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường;

Căn cứ Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Nghị định số 135/2016/NĐ-CP ngày 09 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Nghị định số 123/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Thông tư số 135/2008/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30 tháng 5 năm 2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường;

Căn cứ Thông tư số 156/2014/TT-BTC ngày 23 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 135/2008/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30 tháng 5 năm 2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường;

Căn cứ Nghị quyết số 05/2023/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thông qua Quy định chính sách ưu đãi về sử dụng đất đối với các hoạt động xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể dục thể thao, môi trường, giám định tư pháp trên địa bàn tỉnh Ninh Bình;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 04/TTr-STC ngày 19 tháng 01 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định chính sách ưu đãi về sử dụng đất đối với các hoạt động xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể dục thể thao, môi trường, giám định tư pháp trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực từ ngày 15 tháng 3 năm 2024 và thay thế Quyết định số 04/2015/QĐ-UBND ngày 06 tháng 3 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định chính sách ưu đãi về sử dụng đất đối với các hoạt động xã hội hóa trong các lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường, giám định tư pháp trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

Điều 3. Trách nhiệm thi hành

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. la

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tài chính;
- Cục KTVBQPPL -Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Website Chính phủ;
- Chủ tịch, PCT UBND tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu VT, các VP;
TrH_VP5_QĐ

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Tông Quang Thìn

QUY ĐỊNH

**Chính sách ưu đãi về sử dụng đất đối với các hoạt động xã hội hóa trong
lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể dục thể thao,
môi trường, giám định tư pháp trên địa bàn tỉnh Ninh Bình**

(Ban hành kèm theo Quyết định số /2024/QĐ-UBND ngày / /2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định chính sách ưu đãi về sử dụng đất đối với các hoạt động xã hội hóa trên địa bàn tỉnh Ninh Bình, bao gồm các lĩnh vực: Giáo dục - đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể dục thể thao, môi trường, giám định tư pháp.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ sở ngoài công lập được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép hoạt động trong các lĩnh vực xã hội hóa quy định tại điểm a Khoản 2 Mục I của Thông tư số 135/2008/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30 tháng 5 năm 2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường.

2. Tổ chức, cá nhân hoạt động theo Luật Doanh nghiệp có các dự án đầu tư, liên doanh, liên kết thành lập các cơ sở hạch toán độc lập hoạt động trong các lĩnh vực xã hội hóa có đủ điều kiện hoạt động theo quy định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

3. Cơ sở sự nghiệp công lập thực hiện góp vốn, huy động vốn, liên doanh, liên kết theo quy định của pháp luật thành lập các cơ sở hạch toán độc lập hoặc doanh nghiệp hoạt động trong các lĩnh vực xã hội hóa theo quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

(Đối tượng áp dụng quy định tại Khoản 1, Khoản 2, Khoản 3 Điều này gọi chung là cơ sở thực hiện xã hội hóa).

Điều 3. Điều kiện được hưởng các chính sách ưu đãi xã hội hóa

Các cơ sở thực hiện xã hội hóa trong các lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể dục thể thao, môi trường phải thuộc danh mục loại hình và đáp ứng các tiêu chí quy mô, tiêu chuẩn được quy định tại: Quyết định số 1466/QĐ-TTg ngày 10 tháng 10 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục chi tiết các loại hình, tiêu chí quy mô, tiêu chuẩn của các cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường; Quyết định số 693/QĐ-TTg ngày 06 tháng 5 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Danh mục chi tiết các loại hình, tiêu chí quy mô, tiêu chuẩn của các cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường ban hành kèm theo Quyết định số 1466/QĐ-TTg ngày 10 tháng 10 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ; Quyết định số 1470/QĐ-TTg ngày 22 tháng 7 năm 2016 về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung của danh mục chi tiết các loại hình, tiêu chí, quy mô, tiêu chuẩn của các cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường ban hành kèm theo Quyết định số 1466/QĐ-TTg ngày 10 tháng 10 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ và các quy định khác có liên quan.

Riêng cơ sở giám định tư pháp thì điều kiện được hưởng chính sách khuyến khích phát triển xã hội hóa sẽ thực hiện theo hướng dẫn của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Điều 4. Nguyên tắc thực hiện chính sách ưu đãi xã hội hóa

Cơ sở thực hiện xã hội hóa được thành lập, cấp phép hoạt động phải đảm bảo theo quy định và đáp ứng các điều kiện được hưởng chính sách khuyến khích phát triển xã hội hóa được quy định tại Điều 3 của Quy định này và các nguyên tắc quy định tại điều 4 Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30 tháng 5 năm 2008, khoản 2 Điều 3 Nghị định 59/2014/NĐ-CP ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ; mục III Thông tư số 135/2008/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2008, khoản 3 Điều 2 Thông tư số 156/2014/TT-BTC ngày 23 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 5. Ưu đãi xã hội hóa về sử dụng đất

1. Cơ sở thực hiện xã hội hóa đủ điều kiện theo quy định tại Điều 3 Quy định này được Nhà nước cho thuê đất đã hoàn thành giải phóng mặt bằng để xây dựng các công trình xã hội hóa theo hình thức cho thuê đất miễn tiền thuê đất trong suốt thời gian thuê đất của dự án, trừ các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Cơ sở thực hiện dự án xã hội hóa sử dụng đất tại các đô thị thuộc đối tượng, phạm vi quy định tại Điều 1, Điều 2 và đáp ứng điều kiện quy định tại Điều 3 Quy định này được hưởng mức miễn tiền thuê đất theo chính sách khuyến khích xã hội hóa của tỉnh như sau:

a) Đối với các dự án xã hội hóa đầu tư vào lĩnh vực giáo dục - đào tạo, y tế, văn hóa, thể dục thể thao: Miễn tiền thuê đất trong suốt thời gian được thuê đất của dự án.

b) Đối với các dự án xã hội hóa đầu tư vào lĩnh vực dạy nghề, môi trường, giám định tư pháp:

Miễn tiền thuê đất trong thời gian xây dựng cơ bản tối đa là 03 năm kể từ ngày có Quyết định thuê đất.

Miễn tiền thuê đất sau thời gian xây dựng cơ bản:

Tại địa bàn thành phố Ninh Bình, thị trấn thuộc huyện Hoa Lư: Miễn tiền thuê đất 30 năm sau thời gian được miễn tiền thuê đất của thời gian xây dựng cơ bản;

Tại địa bàn thành phố Tam Điệp; thị trấn thuộc huyện Yên Khánh: Miễn tiền thuê đất 35 năm sau thời gian được miễn tiền thuê đất của thời gian xây dựng cơ bản;

Tại địa bàn thị trấn thuộc huyện Nho Quan, huyện Gia Viễn, huyện Kim Sơn, huyện Yên Mô: Miễn tiền thuê đất 40 năm sau thời gian được miễn tiền thuê đất của thời gian xây dựng cơ bản.

Tổng thời gian miễn tiền thuê đất không vượt quá thời gian thuê đất của dự án.

c) Trường hợp dự án nằm trên địa bàn nhiều huyện, thành phố thì việc miễn tiền thuê đất được tính theo tỉ lệ diện tích sử dụng đất của dự án tương ứng trên từng địa bàn.

Chương III

TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ, TỔ CHỨC TRONG HOẠT ĐỘNG THUỘC LĨNH VỰC XÃ HỘI HÓA

Điều 6. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

1. Sở Tài chính:

a) Chủ trì phối hợp với các đơn vị liên quan:

Hướng dẫn các cơ sở xã hội hóa áp dụng chính sách ưu đãi tại quyết định này.

Tổng hợp, nghiên cứu các khó khăn, vướng mắc, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định hoặc đề xuất sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

b) Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu bố trí nguồn kinh phí thực hiện bồi thường giải phóng mặt bằng theo quy định.

c) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, đơn vị trong việc giải quyết các vấn đề có liên quan đến lĩnh vực tài chính.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư:

a) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan xác định đối tượng, loại hình được ưu đãi xã hội hóa khi trình Ủy ban nhân dân tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với từng dự án cụ thể làm cơ sở để các sở, ngành áp dụng các chính sách ưu đãi tiền thuê đất phù hợp với Quy định này.

Định kỳ ba (03) năm một lần rà soát Danh mục lĩnh vực và địa bàn ưu đãi xã hội hóa đối với cơ sở thực hiện xã hội hóa sử dụng đất tại các đô thị, tổng hợp gửi Sở Tài chính tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh để sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

b) Thực hiện lựa chọn nhà đầu tư đáp ứng cao nhất các tiêu chí về quy mô, chất lượng, hiệu quả theo quy định tại pháp luật về đấu thầu và pháp luật về đất đai đối với trường hợp có từ hai nhà đầu tư trở lên cùng đăng ký lựa chọn một địa điểm để thực hiện dự án đầu tư trong lĩnh vực xã hội hóa.

c) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh cân đối bố trí nguồn kinh phí thực hiện bồi thường, giải phóng mặt bằng các dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận đầu tư của Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Sở Tài nguyên và Môi trường:

a) Chủ trì phối hợp với các ngành, đơn vị liên quan tổ chức rà soát, lập và điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất từng giai đoạn đáp ứng nhu cầu phát triển của các lĩnh vực xã hội hóa.

b) Hướng dẫn các cơ sở xã hội hóa thực hiện các thủ tục liên quan đến đất đai, tài nguyên, môi trường theo quy định hiện hành; thực hiện các công tác quản lý nhà nước về đất đai, môi trường và kiểm tra, xử lý vi phạm (nếu có) theo quy định.

4. Các sở: Giáo dục và Đào tạo, Văn hóa và Thể thao, Lao động - Thương binh và Xã hội, Y tế, Tư pháp

a) Chủ trì phối hợp với các đơn vị liên quan xây dựng, bổ sung điều chỉnh quy hoạch ngành, quy hoạch mạng lưới các cơ sở thuộc lĩnh vực quản lý cho phù hợp với từng giai đoạn.

b) Hướng dẫn triển khai thực hiện các chính sách về xã hội hóa theo lĩnh vực quản lý, điều kiện thành lập, tiêu chí, quy mô các cơ sở thực hiện xã hội hóa.

c) Phối hợp với Cục Thuế tỉnh kiểm tra và xác định các cơ sở xã hội hóa đáp ứng các tiêu chí theo quy định tại Điều 3 Quy định này.

5. Cục Thuế tỉnh:

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Tài nguyên và Môi trường, các đơn vị liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố có liên quan tiến hành giám sát việc thực hiện của các dự án xã hội hóa theo đúng điều kiện và tiêu chí đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Trường hợp phát hiện, cơ sở thực hiện xã hội hóa không đáp ứng đủ điều kiện và tiêu chí đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt thì báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định bãi bỏ các ưu đãi theo quy định của pháp luật;

b) Hướng dẫn các cơ sở thực hiện xã hội hóa hồ sơ miễn, giảm tiền thuê đất theo quy định của Luật Đất đai và tại Quyết định này.

6. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố:

a) Phối hợp với các sở, ngành triển khai thực hiện các chính sách ưu đãi theo quy định này đối với các dự án xã hội hóa thực hiện trên địa bàn.

b) Thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với các cơ sở thực hiện xã hội hóa trên địa bàn theo phân cấp.

c) Công khai các thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi để tổ chức, cá nhân biết, tham gia các lĩnh vực xã hội hóa.

7. Các sở, ban, ngành và các cơ quan khác có liên quan theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao tổ chức thực hiện các nội dung tại Quy định này.

Điều 7. Trách nhiệm của cơ sở thực hiện xã hội hoá

1. Cơ sở thực hiện xã hội hóa trên địa bàn tỉnh phải thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo quy định tại Điều 16 Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30 tháng 5 năm 2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể dục thể thao, môi trường.

2. Tổ chức triển khai dự án bảo đảm đúng yêu cầu về tiến độ và đúng nội dung đã đăng ký, đã được phê duyệt; chấp hành đầy đủ các quy định của Nhà nước trong quá trình triển khai thực hiện dự án.

3. Thực hiện đầu tư dự án theo đúng nội dung dự án đã được phê duyệt và đáp ứng danh mục các loại hình, tiêu chí, quy mô, tiêu chuẩn theo quy định.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 8. Quy định về chuyển tiếp

Trường hợp cơ sở xã hội hóa đã được thẩm định đáp ứng điều kiện và đang được hưởng chính sách khuyến khích xã hội hóa của Quyết định số 04/2015/QĐ-UBND ngày 06 tháng 3 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình quy định chính sách ưu đãi về sử dụng đất đối với các hoạt động xã hội hóa trong các lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường, giám định tư pháp trên địa bàn tỉnh Ninh Bình thì tiếp tục áp dụng chính sách ưu đãi theo quy định tại Quyết định số 04/2015/QĐ-UBND ngày 06 tháng 3 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình.

Điều 9. Điều khoản thi hành

1. Các nội dung khác chưa được quy định tại Quyết định này thì được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30 tháng 5 năm 2008; Nghị định số 59/2014/NĐ-CP ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ; Thông tư số 135/2008/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2008; Thông tư số 156/2014/TT-BTC ngày 23 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các quy định của pháp luật có liên quan.

2. Trong quá trình thực hiện Quy định này, nếu có phát sinh, vướng mắc, các tổ chức và cá nhân có liên quan phản ánh bằng văn bản về Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.